

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2018/HC-PT**

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông
Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 116/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 23/2017/HCST ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116B/2018/QĐPT-HC ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ T, sinh năm 1977; địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Xuân L, Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Văn T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 717/GUQ-CTUBND ngày 27/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn N, Chuyên viên Phòng tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Người kháng cáo: Ông Võ T (là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ T, ông Phạm Xuân L, ông Trương Văn T, ông Lê Văn N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Võ T trình bày:

Gia đình ông có diện tích 2.354 m² đất nông nghiệp tại , xã T do cha ông khai hoang và sử dụng liên tục khoảng từ năm 1985 - 1987. Đến năm 2006, diện tích đất này thuộc diện bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Thao trường tổng hợp Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam - Quân Khu 5. Chính quyền địa phương đã áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất nhưng giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất quá thấp, không đúng quy định pháp luật nên gia đình ông khiếu nại. Tuy nhiên, việc khiếu nại không được giải quyết và thực tế dự án không thực hiện được nên hộ gia đình ông vẫn trực tiếp quản lý sử dụng đất, không ai có ý kiến gì.

Tháng 8/2015, diện tích đất trên của hộ gia đình ông lại bị ảnh hưởng của dự án xây dựng công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X. Hộ gia đình ông chỉ được bồi thường về tài sản trên đất; không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N không ban hành quyết định thu hồi đất; không có quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất đối với hộ gia đình ông là trái quy định pháp luật.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND huyện N ban hành quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 246, diện tích 1.208 m² và thửa đất số 247, diện tích 1.146 m² thuộc tờ bản đồ số 21, loại đất nông nghiệp tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Về phía người bị kiện, tại Văn bản số 120/UBND-TNMT ngày 15/02/2017 và lời trình bày của đại diện hợp pháp của người bị kiện, UBND huyện N có ý kiến như sau:

Theo hồ sơ 64/CP của UBND xã T được lập và phê duyệt tháng 4/1999 thì thửa đất số 246 có diện tích 1.208 m² và thửa đất số 247 có diện tích 1.146 m²; cả 2 thửa đất này đều thuộc tờ bản đồ số 21, loại đất 1 lúa, ghi tên chủ sử dụng là UBND xã T (sau đây gọi tắt là thửa đất số 246, 247).

Năm 2006, triển khai việc xây dựng Thao trường tổng hợp Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam - Quân khu 5, ngày 13/4/2006 UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng Thao trường tổng hợp Bộ Chỉ huy quân

sự tỉnh Quảng Nam - Quân khu 5”. Theo Quyết định số 1402/QĐ-UBND thì 02 thửa đất trên được hỗ trợ đất công ích cho UBND xã T, sau đó UBND xã T hỗ trợ lại cho 11 hộ dân đang sử dụng đất bị ảnh hưởng với đơn giá 2000 đồng/m² (trong đó, thửa đất số 246 được hỗ trợ 2.426.000 đồng, thửa đất số 247 được hỗ trợ 2.292.000 đồng). Tuy nhiên, ông T không đồng ý, chưa nhận tiền hỗ trợ và từ đó đến nay, ông T không khiếu nại hay kiến nghị gì về việc bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất nêu trên.

Thực hiện Công văn số 4357/UBND-KTTH ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam “Về việc hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X (giai đoạn 1) và dự án Kè bảo vệ đoạn từ bến đò đến chợ T”, trong đó đã thống nhất: “Hỗ trợ cây cối, hoa màu hiện đang canh tác tại thời điểm kiểm kê, bàn giao mặt bằng để thi công công trình của các hộ gia đình đang trồng trên đất do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý trong phạm vi bị ảnh hưởng thi công với mức hỗ trợ không vượt quá 100% đơn giá bồi thường theo quy định hiện hành”. Sau khi kiểm kê đất, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 13463/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bồi thường cho các hộ dân về vật kiến trúc; hỗ trợ về cây trồng, con vật nuôi cho các hộ dân. Theo đó, tại thời điểm kiểm kê tháng 7/2014, trên đất ông Võ T đang trồng dưa hấu nên hộ ông Võ T được hỗ trợ giá trị cây dưa hấu với số tiền 15.094.324 đồng.

Do năm 2006, các thửa đất này đã được thu hồi theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 02/6/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất, giao đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam sử dụng vào mục đích quốc phòng và đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đúng quy định của pháp luật. Đến năm 2014, UBND huyện N không bồi thường về đất trong dự án công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X mà chỉ hỗ trợ tài sản trên đất đối với trường hợp ông Võ T là đúng quy định pháp luật; yêu cầu khởi kiện của ông Võ T là không có cơ sở.

3. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 23/2017/HCST ngày 17 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.208 m² và thửa đất số 247, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.146 m² tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2017, ông Võ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Võ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo;

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của UBND huyện N đã thừa nhận hai thửa đất số 246, 247 được gia đình ông Võ T sử dụng liên tục từ trước năm 2000. Mặc dù gia đình ông T không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; tuy nhiên, việc UBND huyện N xác định hai thửa đất này là đất công ích 5% do UBND xã T quản lý là không chính xác, vì hai thửa đất này UBND xã không cho thuê mượn và đã được gia đình ông T quản lý, sử dụng liên tục mà chính quyền địa phương không có ý kiến gì. Đồng thời, việc Nhà nước thu hồi hai thửa đất này của gia đình ông T vào năm 2006 nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và thực tế gia đình ông T vẫn quản lý, sử dụng nên cần được xác định là việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hai thửa đất 246, 247 của gia đình ông T là không đúng quy định tại Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003. Gia đình ông T là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và đã sử dụng hai thửa đất trên từ trước ngày 01/7/2004 để trồng cây nông nghiệp, do đó năm 2014 Nhà nước tiếp tục thu hồi hai thửa đất này để triển khai dự án công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X thì căn cứ khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013, gia đình ông T phải được bồi thường về đất. Trường hợp xét thấy không thể bồi thường về đất cho gia đình ông T, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với UBND tỉnh Quảng Nam xem xét hỗ trợ cho gia đình ông T theo giá đất của Nhà nước để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện hợp pháp của UBND huyện N trình bày ý kiến giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án trong quá trình tố tụng và tại Văn bản số 1061/UBND-TNMT ngày 19/9/2017 của UBND huyện N; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ T.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; các bên đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện quyền tranh luận tại phiên tòa, thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã làm rõ việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất được UBND huyện N tuân thủ đúng quy định tại các Điều 61, 66, 69, 75 của Luật Đất đai năm 2013. Do ông T không phải là chủ sử dụng đối với diện tích đất mà ông T có khiếu kiện (thửa đất số 246, 247) nên UBND huyện N không ban hành Quyết định thu hồi đất và hỗ trợ bồi thường đối với ông là đúng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, tuyên bố không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đất:

[1.1] Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Võ T đều trình bày thửa đất số 246, 247 là do cha của ông khai hoang khoảng từ năm 1985 - 1987 nhưng không có bất cứ một chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh chính xác về thời gian bắt đầu sử dụng đất. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 28/7/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được “Đơn xin xác nhận” của ông Võ T (Đơn không có xác nhận, công chứng, chứng thực) và tại phiên tòa, ông Võ T tiếp tục cung cấp bản sao “Đơn xin xác nhận” (có công chứng). Theo hai “Đơn xin xác nhận” này thì ông Võ T có lấy chữ ký của 17 người dân trú tại , xã T, huyện N xác nhận hai thửa đất số 246, 247 là do cha mẹ ông ông Võ T sử dụng từ trước năm 2000 và đã tặng cho ông Võ T sử dụng từ năm 2000. Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy việc gia đình ông Võ T khai hoang diện tích 2.354 m² (thuộc thửa đất số 246, 247) để sử dụng canh tác vào thời kỳ trước năm 2000 là có thật, được Nhà nước khuyến khích. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất thì hộ gia đình ông Võ T không thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng ký, nộp thuế theo quy định của pháp luật nên không được Nhà nước giao quyền sử dụng đối với các thửa đất này.

[1.2] Theo hồ sơ 64/CP của UBND xã T được lập và phê duyệt tháng 4/1999 thì thửa đất số 246 có diện tích 1.208 m² và thửa đất số 247 có diện tích 1.146 m² thuộc tờ bản đồ số 21, loại đất nông nghiệp tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam do UBND xã T quản lý. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của UBND huyện N trình bày thực tế hai thửa đất này nằm trong khu vực đất đã được chọn để lập dự án xây dựng trường bắn từ năm 1997 (theo Thông báo số 283/TB-UB ngày 05/8/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam) nên địa phương không giao cho người dân, năm 1999 giao cho UBND xã T quản lý; ông Võ T xác nhận là hộ gia đình ông không có bất kỳ một loại giấy tờ nào đối với diện tích 2.354 m² đất mà ông có khiếu kiện. Do đó, việc UBND huyện N khẳng định diện tích đất này do UBND xã T quản lý từ trước đến ngày bàn giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam, không được giao cho hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng mà giữ lại là đất 5% của xã quản lý là đúng với diễn biến quá trình quản lý, sử dụng đối với thửa đất 246, 247 trong thời gian trước năm 2006.

[1.3] Ngày 02/6/2006, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 1678/QĐ-UBND thu hồi 1.318.616 m² đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng và UBND xã T quản lý, giao diện tích đất trên không thu tiền sử dụng đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam sử dụng vào mục đích quốc phòng (xây dựng trường tổng hợp). Trong số diện tích đất thu hồi này có thửa đất số 246 và 247 do

hộ gia đình ông Võ T sử dụng. Như đã phân tích tại mục [1.1] và [1.2] nêu trên, do quá trình sử dụng đất gia đình ông Võ T không thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng ký, nộp thuế theo quy định của pháp luật nên không được Nhà nước giao đất; các thửa đất số 246, 247 được thể hiện tại hồ sơ 64/CP là đất công ích 5% do UBND xã T quản lý. Do đó tại Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 13/4/2006, UBND huyện N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho UBND xã T đối với phần đất công ích bị thu hồi; sau đó, UBND xã T hỗ trợ cho 11 hộ dân đang sử dụng đất bị ảnh hưởng với đơn giá 2000 đồng/m² (trong đó, thửa đất 246 được hỗ trợ 2.426.000 đồng, thửa đất số 247 được hỗ trợ 2.292.000 đồng nhưng hộ ông T không thống nhất và không nhận tiền hỗ trợ). Theo ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ T cho rằng đất đã được gia đình ông Võ T sử dụng từ trước năm 1999, đến năm 2006 UBND huyện N thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Võ T là không đúng quy định tại Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003; mặt khác, sau đó ông Võ T vẫn quản lý, sử dụng 02 thửa đất này mà chính quyền địa phương không có ý kiến gì nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông T chưa bị xâm phạm; ông T cũng trình bày ông không nhận tiền và có khiếu nại do giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất quá thấp nhưng không được giải quyết. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện thì tại Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 17/5/2008 có chữ ký của ông Võ T thể hiện: *“Nay ông Võ T đã thực hiện giải tỏa xong các loại tài sản, đất đai, cây cối, hoa màu và thống nhất giao mặt bằng cho Ban Bồi thường - GPMB huyện, chính quyền địa phương, chủ đầu tư và đơn vị thi công để đơn vị thi công tiến hành xây dựng công trình. Chủ hộ cam kết sẽ không gây cản trở và tái sử dụng mặt bằng, diện tích đất đã bàn giao, nếu vi phạm sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật.”* (BL. 74); không có tài liệu nào thể hiện việc ông Võ T khiếu kiện về việc bồi thường khi bị UBND tỉnh Quảng Nam thu hồi đất để giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam.

[1.4] Để có căn cứ xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện vụ kiện; trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 6 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có văn bản yêu cầu UBND huyện N xem xét lại toàn bộ việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với thửa đất số 246, 247 theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 02/6/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 13/4/2006 của UBND huyện N và các quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan khác (nếu có) trong việc triển khai thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với trường hợp của ông Võ T vào năm 2006. Ngày 19/9/2017, UBND huyện N đã có Văn bản số 1061/UBND-TNMT trả lời với nội dung: *“Tại thời điểm năm 2006 đến trước khi thực hiện Dự án đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, du lịch, đô thị X năm 2014 thì ông Võ T đã biết được hành vi hành chính và quyết định hành chính làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nhưng không có đơn khiếu nại hoặc khởi kiện. Mặt khác, tại thời điểm ngày 17/5/2008 ông Võ T đã ký Biên bản thống nhất bàn giao mặt bằng và cam kết không tái sử dụng mặt bằng. Như vậy, theo quy định của pháp luật về khiếu nại và*

tổ tụng hành chính thì thời hiệu khiếu nại, khởi kiện của ông Võ T đối với thửa đất số 246, 247 nêu trên đã hết”; đồng thời khẳng định “... việc thu hồi đất, giao đất đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và trình tự tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ đúng theo Quyết định số 31/2005/QĐ-UB ngày 28/4/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam...”.

[1.5] Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Thửa đất số 246, 247 mà ông Võ T có khiếu kiện là do gia đình ông Võ T khai hoang, sử dụng từ trước năm 2000; tuy nhiên, gia đình ông Võ T chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng hợp pháp mà thuộc UBND xã T quản lý và toàn bộ diện tích đất này năm 2006 đã được giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 02/6/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam. Theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003 thì *“Sau khi có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, được công bố công khai, có hiệu lực thi hành, người bị thu hồi đất phải chấp hành quyết định thu hồi đất...”*. Tuy nhiên, sau khi ký biên bản bàn giao mặt bằng ngày 17/5/2008 thì ông Võ T không bàn giao mà vẫn giữ lại hai thửa đất trên để trồng cây nông nghiệp cho đến năm 2014 triển khai Dự án công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X.

[2] Xét yêu cầu của ông Võ T về việc UBND huyện N phải ban hành quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi thực hiện Dự án công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số 246, 247 mà ông Võ T có khiếu kiện mặc dù đã được xác định là do gia đình ông Võ T khai hoang, sử dụng từ trước năm 2000; tuy nhiên, hai thửa đất này đã được Nhà nước thu hồi, giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam sử dụng vào mục đích quốc phòng theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 02/6/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam. Khi bàn giao đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam, ông Võ T đã được Nhà nước thực hiện việc hỗ trợ về đất nhưng ông không nhận tiền hỗ trợ và cũng không có khiếu kiện về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trong thời hạn được pháp luật quy định. Việc sau khi bàn giao đất, ông Võ T thấy dự án vẫn chưa được triển khai nên vẫn tiếp tục sử dụng hai thửa đất này để trồng cây nông nghiệp là hành vi “chiếm đất” đã được Nhà nước giao cho cơ quan, đơn vị quản lý, vi phạm khoản 6 Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 12, điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, trường hợp sử dụng đất của ông Võ T mặc dù thực tế sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 nhưng năm 2006 đã được Nhà nước thu hồi và đã chuyển mục đích sử dụng thành “đất quốc phòng” nên cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013 như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ T trình bày. Vì vậy, khi triển khai thực hiện Dự án công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X, UBND huyện N không ban hành quyết định thu hồi đất; không bồi

thường về đất đối với hai thửa đất mà ông có khiếu kiện là đúng quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013. Kháng cáo của ông Võ T cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng, nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Võ T đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với UBND tỉnh Quảng Nam xem xét hỗ trợ về đất cho gia đình ông Võ T, tuy nhiên qua xem xét thì thấy đề nghị của Luật sư không thuộc trường hợp được hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây trồng trên đất: Thực hiện Công văn số 4357/UBND-KTTH ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam *“Về việc hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X (giai đoạn 1) và dự án Kè bảo vệ đoạn từ bến đò đến chợ T”*, trong đó đã thống nhất: *“Hỗ trợ cây cối, hoa màu hiện đang canh tác tại thời điểm kiểm kê, bàn giao mặt bằng để thi công công trình của các hộ gia đình đang trồng trên đất do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý trong phạm vi bị ảnh hưởng thi công với mức hỗ trợ không vượt quá 100% đơn giá bồi thường theo quy định hiện hành”*. Sau khi kiểm kê đất, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 13463/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bồi thường cho các hộ dân về vật kiến trúc; hỗ trợ về cây trồng, con vật nuôi cho các hộ dân. Theo đó, tại thời điểm kiểm kê tháng 7/2014, trên đất ông Võ T đang trồng dưa hấu nên hộ ông Võ T được hỗ trợ giá trị cây dưa hấu với số tiền 15.094.324 đồng. Như vậy, khi thực hiện Dự án công trình Đường trục chính Khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ, đô thị X, UBND huyện N đã bồi thường tài sản trên đất cho ông Võ T là phù hợp với quy định tại Điều 90 của Luật Đất đai năm 2013.

[3] Trên cơ sở các phân tích nêu trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, tiến hành các thủ tục tố tụng và giải quyết vụ án đúng pháp luật; ông Võ T kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào mới và lời trình bày của ông không có cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ Điều 220 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy liên quan đến nội dung kháng cáo thì tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót chưa nêu cụ thể các điều luật của pháp luật về đất đai được áp dụng để làm căn cứ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện. Tuy nhiên, theo kết quả nhận định của Tòa án trên đây thì quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp và đúng với các quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử bổ sung căn cứ pháp luật được áp dụng để bảo đảm Bản án của Tòa án được ban hành đầy đủ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 64, khoản 3 Điều 82, Điều 90, Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác kháng cáo của ông Võ T và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 23/2017/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

[1.1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.208 m² và thửa đất số 247, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.146 m² tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

[1.2] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, được trừ số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng ông Võ T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000382 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Võ T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000485 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13 tháng 8 năm 2018.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền